

Bản tin THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ - TÀI CHÍNH - KINH TẾ

- ☒ Tin THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ
- ☐ Tin TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
- ☐ Tin KINH TẾ VIỆT NAM
- ☐ Tin KINH TẾ QUỐC TẾ





NỘI DUNG CHÍNH

Tin THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

- Tổng quan thị trường
- Đồ thị một số chỉ báo phổ biến



Tin TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

- Ngân hàng kết dư hàng triệu tỷ đồng: 'Thúc' dòng tiền đi vào lưu thông
- Đã có ngân hàng dùng gần hết room tín dụng, xin nối thêm
- Đỉnh điểm 300.000 tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp đáo hạn năm 2024

Tin KINH TẾ VIỆT NAM

- [Infographic] Bức tranh kinh tế 11 tháng đầu năm qua các con số
- CPI tháng 11 tăng 0,25% và lạm phát cơ bản tăng 0,16% sv tháng 10
- Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 11 tăng 3% sv tháng 10

Tin KINH TẾ QUỐC TẾ

- OECD: Kinh tế thế giới có thể sẽ "hạ cánh mềm" vào năm 2024
- GDP Mỹ tăng trưởng 5,2% trong Q.III/2023

Bảng chỉ số

(Thứ Năm, ngày 30/11/2023)



Chứng khoán

VN - INDEX	1,102.80	↑	0.67%
HNX - INDEX	227.03	↑	1.18%
DOWN JONES INDUS	35,430.42	↑	0.04%
EURO STOXX 50 PR	4,370.53	↑	0.52%
CSI 300 INDEX	3,488.31	↓	-0.86%

Vàng (SJC cập nhật 08h30)

SJC (Ng.đ/Lượng)	73.600	↓	-1.08%
Quốc tế (USD/Oz)	2,042.6	↑	0.10%

Tỷ giá (USD/VND cập nhật 08h30)

USD/VND (BQ LNH)	23.891	↓	-0.09%
DXY	102.77	↑	0.02%
EUR/USD	1.0975	↓	-0.27%
USD/JPY	147.01	↓	-0.01%
USD/CNY	7.1262	↓	-0.14%

Hàng hóa

Dầu thô WTI (USD/th)	77.73	↑	1.40%
----------------------	-------	---	-------

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG



- Chỉ số US Dollar Index (DXY) tăng 0.12%, đạt mốc 102.86. USD sau khi dữ liệu mới công bố cho thấy, nền kinh tế Mỹ tăng trưởng nhanh hơn trong Q.III sv báo cáo ban đầu. Tuy nhiên vẫn trên đà ghi nhận mức giảm hàng tháng lớn nhất kể từ tháng 11/2022 do kỳ vọng ngày càng tăng rằng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) sẽ cắt giảm lãi suất trong nửa đầu năm 2024.



- EUR giảm 0.17% sv USD, xuống 1.0973 USD. Dữ liệu lạm phát trên toàn Eurozone sẽ được công bố vào 30/11, trước khi Chỉ số chi tiêu tiêu dùng cá nhân (PCE) của Mỹ được công bố.



- Giá vàng thế giới ổn định với vàng giao ngay tăng 2.2 USD lên 2,042,7 USD/ounce. Giá vàng thế giới tăng lên gần mức cao nhất trong khoảng 7 tháng khi kỳ vọng FED có thể hạ lãi suất trong nửa đầu năm tới đã thúc đẩy triển vọng của vàng.

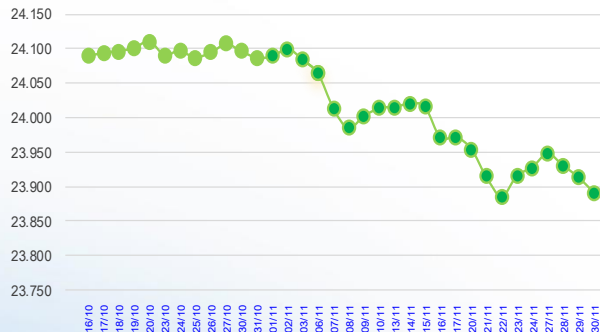


- Giá dầu WTI tương lai của Mỹ tăng 1.9% ở mức 77.86 USD/thùng. Dầu tăng giá trong phiên giao dịch ngày 29/11 khi các nhà đầu tư chuyển sự chú ý sang cuộc họp nhằm quyết định chính sách sản lượng của OPEC+, trong khi sự gián đoạn nguồn cung do cơn bão ở Biển Đen và lượng tồn kho thấp hơn của Mỹ đã thúc đẩy nhà đầu tư mua vào.

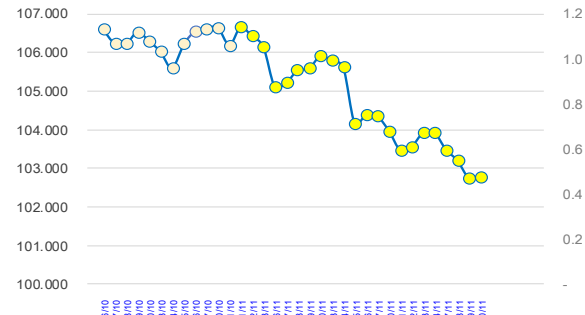
ĐỒ THỊ MỘT SỐ CHỈ BÁO PHỔ BIẾN



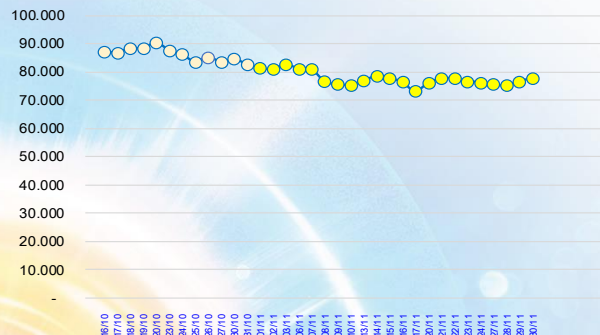
Tỷ giá trung tâm - Tháng 11/2023



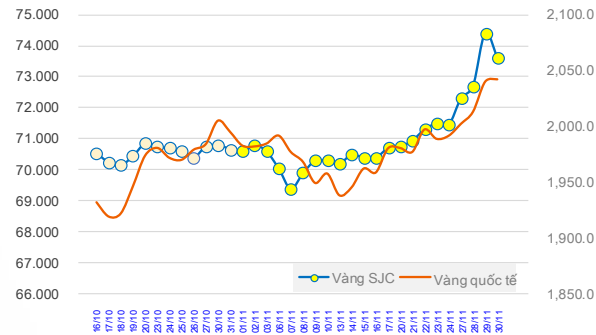
Chỉ số DXY - Tháng 11/2023



Giá dầu thô - Tháng 11/2023



Giá vàng - Tháng 11/2023



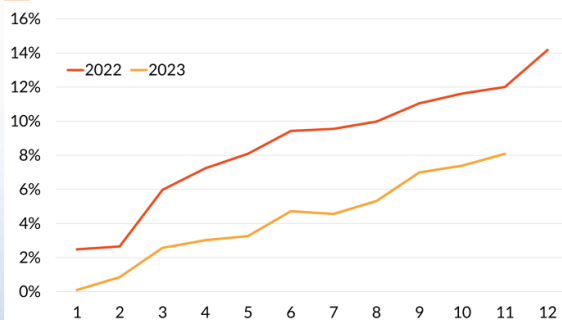
Ngân hàng kết dư hàng triệu tỷ đồng: 'Thúc' dòng tiền vào lưu thông



Trong tháng 11, các ngân hàng thương mại (NHTM) tiếp tục giảm mạnh lãi suất (LS) huy động ở nhiều kỳ hạn. Kể từ đầu tháng 11 đến nay đã có tới 27 ngân hàng (NH) giảm LS huy động. Theo số liệu mới được Ngân hàng Nhà nước (NHNN) công bố, lượng tiền gửi của dân cư tại các tổ chức tín dụng (TCTD) đã **▲15.935 tỷ đồng** trong tháng 9, lên mức kỷ lục hơn 6,44 triệu tỷ đồng. Mức tăng này cao gấp 11 lần cùng kỳ 2022 nhưng là tháng tăng thấp thứ 2 trong 9 tháng đầu năm (chỉ cao hơn tháng 7, **▲6.707 tỷ đồng**). Sv cuối năm 2022, lượng tiền gửi của dân cư đã **▲583.494 tỷ đồng**. Đây là mức tăng trưởng tiền gửi 9 tháng cao nhất kể từ 2018... Với lượng tiền khổng lồ gửi vào NH, các NH cũng phải “điền đầy” nghĩ cách “tiêu tiền” khi tăng trưởng tín dụng (TTTD) không khả quan từ đầu năm đến nay. Theo đó, nhằm thúc đẩy TTTD cuối năm 2023, các NH đang triển khai nhiều giải pháp tăng cường khả năng tiếp cận vốn tín dụng của doanh nghiệp (DN), người dân như tung ra các mức LS cho vay với nhiều ưu đãi. Tiến sĩ Cấn Văn Lực cho biết, số liệu thống kê của NHNN về tiền gửi cho thấy tiền gửi tiết kiệm vẫn đang tăng mạnh. Điều này nói lên rằng LS dù giảm nhưng vẫn còn tương đối tốt với mức 5%/năm kỳ hạn 12 tháng. Bên cạnh đó, những kênh đầu tư khác nói chung hiện vẫn còn nhiều khó khăn.

Đã có ngân hàng dùng gần hết room tín dụng, xin nới thêm

Tăng trưởng tín dụng 11 tháng đầu năm 2023* so với 2022 (%)

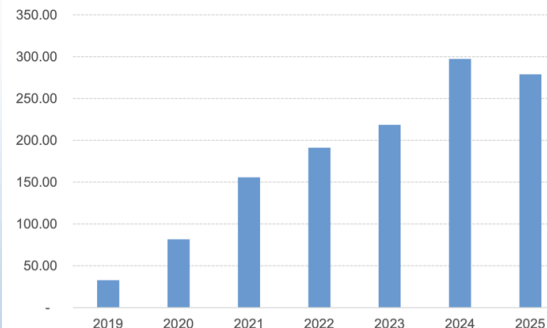


TTTD giữa các NH đang có sự phân hóa mạnh mẽ, 1 số ghi nhận mức tăng trưởng tới hơn 20% trong khi số khác lại chưa đến 5%. Mức cấp "room" tín dụng khác nhau cũng sẽ khiến xảy ra tình trạng có NH muốn cho vay ra nhưng không được vì đã hết hạn mức cấp trong năm. Thực tế cho thấy, hệ thống NH vẫn đang trong tình trạng "thừa tiền", không thể đẩy vốn ra khỏi nền kinh tế (KT). Theo số liệu từ NHNN, tính đến 21/11, TTTD toàn hệ thống NH mới đạt 8,09%, kém xa sv cùng kỳ 2022 cũng như mục tiêu 14% của NHNN. Trước đó vào cuối tháng 10, TTTD đạt 7,39%. Tuy nhiên, 1 số NH như VPBank, MSB, MB lại có TTTD cao hơn nhiều lần sv trung bình toàn Ngành. Theo dữ liệu từ Công ty chứng khoán MB, trong lần điều chỉnh room tín dụng vào tháng 7/2023, VPBank và MB đã được NHNN nới hạn mức tín dụng lên 24%. Một số NH được cấp room trên 14%/năm như: TPBank, Techcombank, VietinBank, BIDV, ACB, VIB. Trong số đó, MB, VPBank, Vietcombank và HDBank là 4 NH được ưu tiên về hạn mức TTTD do tham gia tái cơ cấu các NH yếu kém. Lãnh đạo HDBank đã tiết lộ mức room được cấp trong 2023 được tăng lên 29%, cao nhất trong các NH hiện nay.

Đỉnh điểm gần 300.000 tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp đáo hạn năm 2024

Giá trị TPDN đáo hạn hàng năm

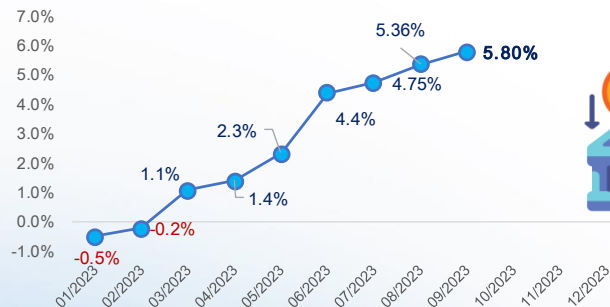
Ngìn tỷ VND



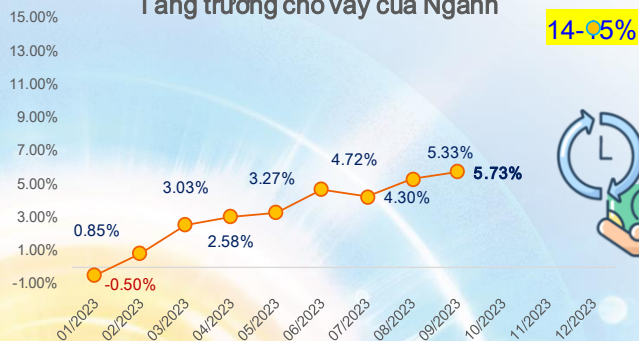
Áp lực trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) đáo hạn trong Q.IV khoảng 57.000 tỷ đồng, đã trừ các khoản mua lại, trong đó bất động sản (BDS) chiếm khoảng 47%. Lượng trái phiếu đáo hạn trong 2024 tương đối lớn với hơn 297.000 tỷ đồng trái phiếu tới hạn, trong đó nhóm BDS vẫn chiếm tỷ trọng lớn, theo thống kê mới nhất từ Công ty chứng khoán Yuanta. Trong đó, BDS có khoảng 123.000 tỷ đồng trái phiếu tới hạn, tiếp theo là NH với gần 80.000 tỷ đồng, nhóm Xây dựng và Vật liệu 22.000 tỷ đồng; Du lịch Giải trí gần 20.000 tỷ đồng, còn lại là nhóm khác gồm dịch vụ tài chính. Năm 2025, lượng trái phiếu đáo hạn sẽ hạ nhiệt với khoảng 270.000 tỷ đồng nhưng con số này chỉ thấp sv 2024 và cao hơn đáng kể sv những năm trước đó... Xu hướng phát hành đại chúng tăng trưởng mạnh, giá trị phát hành tăng gần gấp đôi cùng kỳ, trong khi phát hành riêng lẻ ↓22,8% trước những quy định mới trên thị trường trái phiếu. LS tăng lên đáng kể trước bối cảnh thị trường TPDN ảm đạm. Dẫn đầu là nhóm BDS có LS BQ trên 12%, do nhu cầu đáo hạn lớn với các lô trái phiếu phát hành những năm trước. Xu hướng mua lại TPDN bắt đầu xuất hiện từ 2021 và hoạt động này sôi động hơn trong 2022. Hoạt động mua lại chủ yếu ở nhóm NH do dư thừa thanh khoản. Tính đến cuối tháng 9/2023 dư nợ TPDN đạt 1.214.000 tỷ đồng, #9,6% tổng dư nợ tín dụng của nền KT, giảm nhiều sv thời điểm cuối năm 2022 (11,9%) và 2021 (15,1%) do hoạt động mua lại trước hạn và phát hành chậm hơn.

BIỂU ĐỒ HUY ĐỘNG, CHO VAY, TỶ GIÁ, LÃI SUẤT

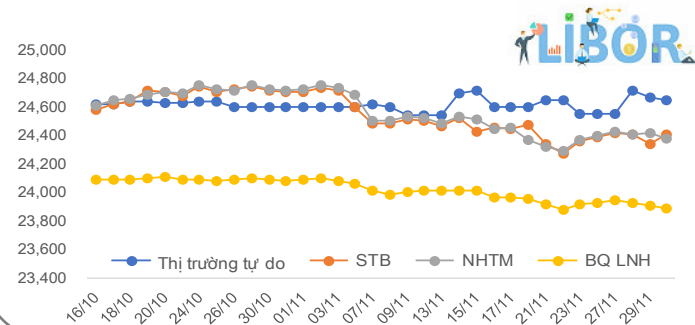
Tăng trưởng huy động của Ngành



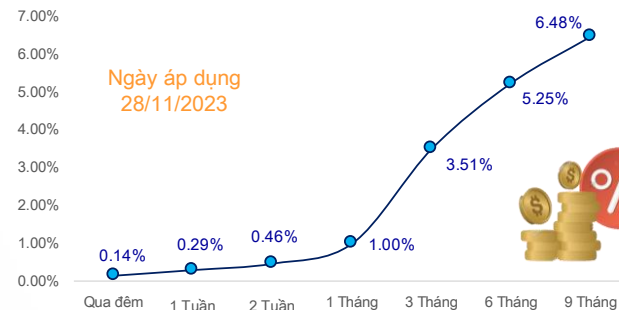
Tăng trưởng cho vay của Ngành



Tỷ giá liên ngân hàng tháng 11/2023



Lãi suất bình quân liên ngân hàng



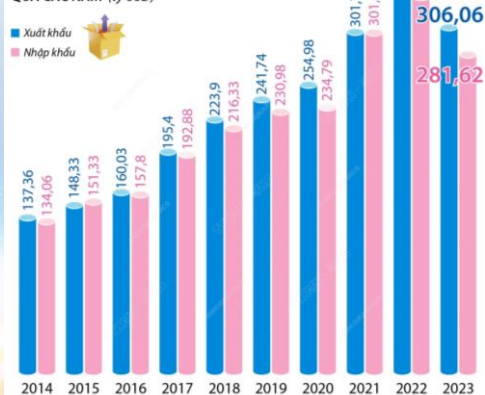
[Infographic] Bức tranh kinh tế 11 tháng đầu năm qua các con số

11 THÁNG NĂM 2023

VIỆT NAM XUẤT SIÊU 24,44 TỶ USD



KIM NGẠCH XUẤT, NHẬP KHẨU 11 THÁNG QUA CÁC NĂM (tỷ USD)



TĂNG TRƯỞNG GDP



SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP



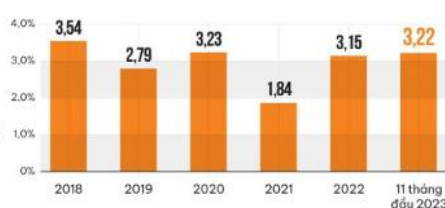
ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI



GIÁ TIÊU DÙNG



Biến động chỉ số CPI so với cùng kỳ năm trước, từ năm 2018 đến nay



ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

11 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ 2022



THU CHI NGÂN SÁCH (TỶ ĐỒNG)

11 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ 2022



XUẤT NHẬP KHẨU

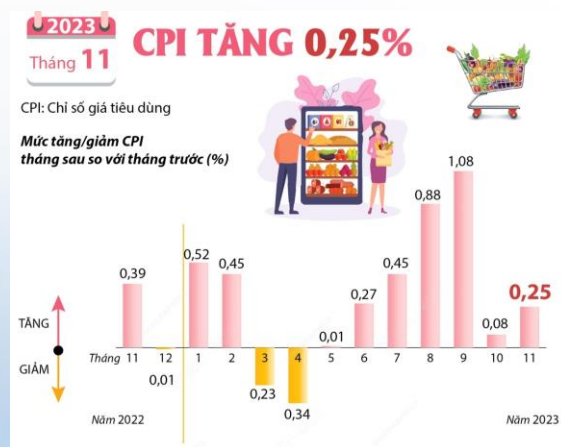


ĐẦU TƯ CÔNG

Đầu tư công 11 tháng đầu năm 2023



CPI tháng 11 tăng 0,25% và lạm phát cơ bản tăng 0,16% so với tháng 10



Theo Tổng cục Thống kê, trong tháng 11, việc tăng giá dịch vụ (DV) y tế theo Thông tư số 22/2023/TT-BYT, tăng học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và giá gạo trong nước tiếp tục tăng là những nguyên nhân chính làm cho CPI $\uparrow 0,25\%$ sv tháng 10. Sv tháng 12/2022, CPI tháng 11 $\uparrow 3,46\%$ và sv cùng kỳ năm trước $\uparrow 3,45\%$. Trong mức $\uparrow 0,25\%$ của CPI tháng 11 sv tháng 10, có 8 nhóm hàng hóa và DV có chỉ số giá tăng, 2 nhóm hàng có chỉ số giá giảm, riêng nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình không biến động. Nhóm thuốc và DV y tế $\uparrow 2,9\%$. Nhóm giáo dục $\uparrow 0,38\%$, trong đó giá DV giáo dục $\uparrow 0,42\%$. Nhóm hàng hóa và DV khác $\uparrow 0,32\%$, tập trung chủ yếu ở mặt hàng đồ trang sức $\uparrow 2,39\%$; dụng cụ cá nhân không dùng điện $\uparrow 0,24\%$. Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép $\uparrow 0,2\%$. Nhóm đồ uống và thuốc lá $\uparrow 0,19\%$ chủ yếu do tỷ giá USD tăng. Nhóm hàng ăn và DV ăn uống $\uparrow 0,1\%$. Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch $\uparrow 0,09\%$. Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng $\uparrow 0,05\%$ do giá gas $\uparrow 0,89\%$; giá nhà ở thuê và giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở cùng $\uparrow 0,08\%$; giá DV sửa chữa nhà ở $\uparrow 0,36\%$. Hai nhóm hàng hóa và DV có chỉ số giá giảm gồm: Nhóm giao thông $\downarrow 0,01\%$ chủ yếu do: Giá xăng $\downarrow 1,4\%$; giá dầu diezen $\downarrow 7,14\%$. Nhóm bưu chính viễn thông $\downarrow 0,11\%$. Lạm phát cơ bản tháng 11 $\uparrow 0,16\%$ sv tháng 10, $\uparrow 3,15\%$ sv cùng kỳ 2022. BQ 11 tháng, lạm phát cơ bản $\uparrow 4,27\%$ sv cùng kỳ 2022, cao hơn mức tăng CPI BQ chung ($\uparrow 3,22\%$). Nguyên nhân chủ yếu do BQ giá xăng dầu trong nước 11 tháng $\downarrow 12,12\%$ sv cùng kỳ năm trước, giá gas $\downarrow 7,5\%$ là yếu tố kiềm chế tốc độ tăng của CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

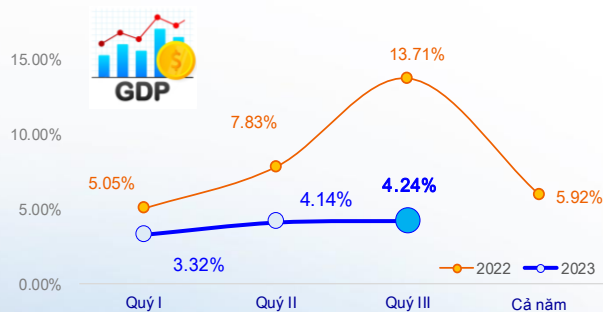
Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 11 tăng 3% so với tháng 10



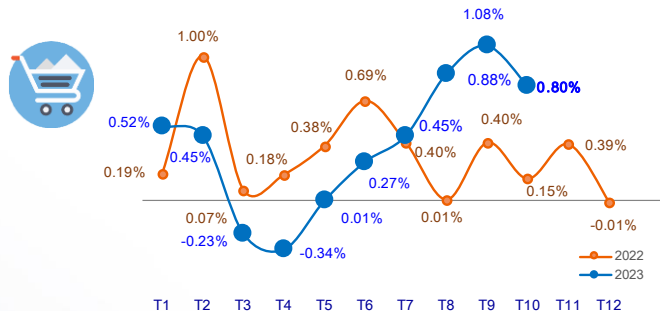
Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số sản xuất (SX) toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 11 ước **▲3%** sv tháng 10 và **▲5,8%** sv cùng kỳ 2022. Trong đó, sv cùng kỳ 2022, ngành chế biến, chế tạo **▲6,3%**; ngành SX và phân phối điện **▲9,2%**; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải **▲3,3%**; riêng ngành khai khoáng **▼3,8%**. Lũy kế 11 tháng, IIP ước **▲1%** sv cùng kỳ 2022 (cùng kỳ 2022 **▲8,4%**). Trong đó, ngành chế biến, chế tạo **▲1,1%** (cùng kỳ 2022 **▲8,7%**), đóng góp 1,1 điểm % vào mức tăng chung; ngành SX và phân phối điện **▲3,2%**, đóng góp 0,2 điểm %; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải **▲4,9%**, đóng góp 0,1 điểm %; ngành khai khoáng **▼2,8%**, làm **▼0,4** điểm % trong mức tăng chung. Chỉ số SX 11 tháng của 1 số ngành công nghiệp trọng điểm cấp 2 tăng cao sv cùng kỳ 2022: SX sản phẩm từ cao su và plastic **▲11,8%**; khai thác quặng kim loại **▲11,1%**; SX sản phẩm thuốc lá **▲10,5%**; SX hoá chất và sản phẩm hoá chất **▲8,6%**; SX sản phẩm từ kim loại đúc sẵn **▲8,4%**; SX giường, tủ, bàn, ghế **▲7,1%**; SX chế biến thực phẩm **▲6,2%**; dệt **▲5,9%**. Ở chiều ngược lại, IIP của 1 số ngành giảm: SX sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học **▼1,3%**; chế biến gỗ và SX sản phẩm từ gỗ, tre, nứa **▼2,1%**; SX xe có động cơ **▼3,6%**; SX sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác **▼3,9%**; khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên **▼4,2%**; SX phương tiện vận tải khác **▼9%**.

BIỂU ĐỒ MỘT SỐ CHỈ SỐ KINH TẾ VĨ MÔ

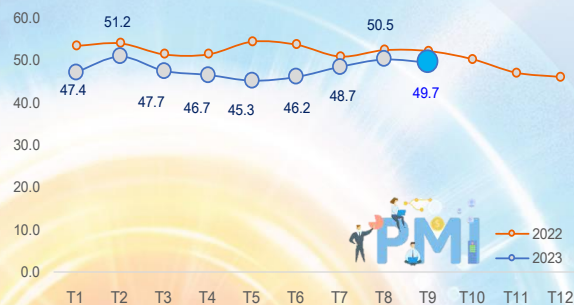
GDP năm 2022 - 2023



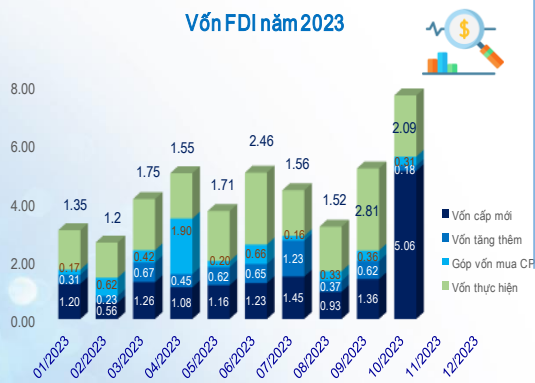
CPI năm 2022-2023



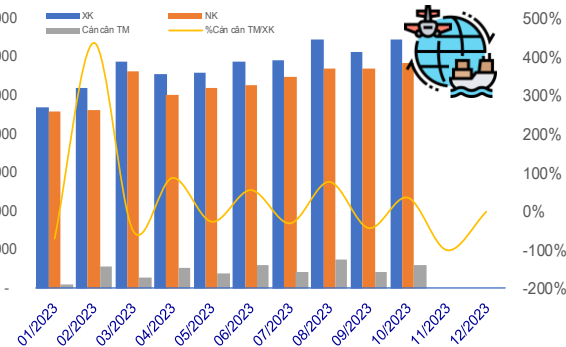
PMI năm 2022-2023



Vốn FDI năm 2023



Xuất - Nhập khẩu năm 2023



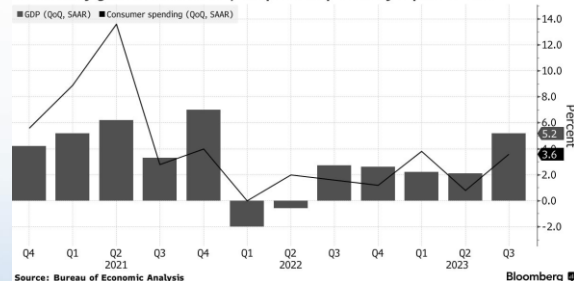
OECD: Kinh tế thế giới có thể sẽ “hạ cánh mềm” vào năm 2024



Ngày 29/11, Tổ chức Hợp tác và Phát triển KT (OECD) đưa ra báo cáo mới nhất về viễn cảnh KT thế giới. Theo đó, OECD đã hạ dự báo tăng trưởng KT thế giới 2023 xuống còn 2,9%, giảm nhẹ sv mức 3% đưa ra hồi tháng 9. Về tăng trưởng KT thế giới trong 2024, OECD giữ nguyên mức dự báo từng đưa ra trước đó là 2,7%. Đây sẽ là mức tăng trưởng thấp nhất kể từ khi xảy ra cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, không tính đến năm đầu tiên xảy ra đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, đến 2025, KT thế giới có thể sẽ khởi sắc hơn, với tăng trưởng đạt mức 3%. Tuy nhiên, điều này phụ thuộc vào xu hướng giảm dần của lạm phát và các nền KT ở khu vực châu Á duy trì tốc độ tăng trưởng nhanh. Giải thích v/v “hạ cánh mềm”, OECD nhấn mạnh tốc độ tăng trưởng KT thế giới trong 2 năm tới sẽ chậm lại ở mức vừa phải. Tuy nhiên, OECD vẫn thận trọng trước những dự báo trên, viện dẫn những diễn biến địa chính trị thế giới, đặc biệt là cuộc xung đột Hamas-Israel hiện nay. “Nếu cuộc xung đột lan rộng ra toàn khu vực Trung Đông, KT thế giới sẽ đối mặt với nhiều nguy cơ tăng trưởng chậm lại đồng thời làm gia tăng lạm phát”. Dự báo tăng trưởng KT Mỹ trong 2023 lên 2,4% và suy giảm trong 2024, đạt 1,5% trước khi hồi phục vừa phải lên mức 1,7% vào 2025. Tăng trưởng KT của Eurozone trong 2023 và 2024 lần lượt ở mức 0,6% và 0,9%. KT Nhật Bản dự báo sẽ tăng trưởng chậm lại trong 2024, xuống còn 1% từ mức 1,7% trong 2023. Sau đó, nền KT này sẽ tăng nhẹ lên mức 1,2% trong 2025. OECD nâng dự báo tăng trưởng đối với Trung Quốc, với mức 5,2% trong 2023.

GDP Mỹ tăng trưởng 5,2% trong Q.III/2023

Third-Quarter GDP Revised Higher
US economy grew at a 5.2% rate, compared to previously reported 4.9%



Nền KT Mỹ tăng trưởng mạnh hơn dự báo trong Q.III nhờ DN mạnh tay đầu tư và Chính phủ tăng cường chi tiêu. Cụ thể, theo dữ liệu từ Bộ Thương mại Mỹ vừa công bố trong ngày 29/11, GDP Mỹ **↑5,2%** trong Q.III (đã hiệu chỉnh theo cơ sở hàng năm). Con số này cao hơn mức **↑4,9%** từ số liệu sơ bộ và cũng cao hơn dự báo **↑5%** từ các chuyên gia KT. Góp phần thúc đẩy tăng trưởng GDP Mỹ là sự gia tăng về các khoản đầu tư cố định (trừ nhà ở), trong đó bao gồm công trình, thiết bị và sở hữu trí tuệ. Trong Q.III, khoản mục này **↑1,3%**. Chi tiêu của Chính phủ Mỹ cũng góp phần thúc đẩy GDP Q.III, với mức **↑5,5%**. Trong khi đó, chi tiêu tiêu dùng bị điều chỉnh giảm, chỉ còn **↑3,6%** trong Q.III, thấp hơn con số **↑4%** của ước tính sơ bộ. Chỉ số chi tiêu tiêu dùng cá nhân (PCE), 1 thước đo lạm phát yêu thích của FED, **↑2,8%** trong giai đoạn này, **↓0,1** điểm % sv ước tính sơ bộ. Lợi nhuận DN **↑4,3%** trong Q.III, tăng mạnh sv mức **↑0,8%** trong Q.II.

DỰ BÁO KINH TẾ THẾ GIỚI – VIỆT NAM

	2023	2024
World Bank	2,1%	2,4%
IMF	2,8%	
OECD	2,7%	
UNCTAD	2,4%	



	2023	2024
World Bank	4,7%	5,4%
ADB	5,8%	6,0%
OECD	4,9%	5,9%
IMF	4,7%	5,8%
UOB	5,0%	6,0%
HSBC	5,0%	
Standard Chartered Bank	5,0%	6,7%
VNDirect	5,5%	

Cập nhật theo dự báo mới nhất của các tổ chức



WEBSITE THAM KHẢO



Bảng chỉ số

<https://www.hsx.vn/>
<https://hnx.vn/vi-vn/hnx.html>
<https://www.bloomberg.com/markets/stocks>
<https://goldprice.org/vi>
<http://www.sjc.com.vn/>
https://www.sbv.gov.vn/TyGia/faces/TyGia.jspx?_afWindowMode=0&_afLoop=20457854754928577&_adf.ctrl-state=1a9g0kizgf_4

Tin Tài chính NH

<https://vneconomy.vn/dinh-diem-gan-300-000-ty-dong-trai-phieu-doanh-nghiep-dao-han-nam-2024.htm>
<https://vietnambiz.vn/da-co-ngan-hang-dung-gan-het-room-tin-dung-xin-noi-them-20231129102617113.htm>
<https://cafef.vn/ngan-hang-ket-du-hang-trieu-ty-dong-thuc-dong-tien-di-vao-luu-thong-188231129071812901.chn>

Tin Kinh tế Việt Nam

<https://vietnambiz.vn/infographic-buc-tranh-kinh-te-11-thang-dau-nam-qua-cac-con-so-2023112915727891.htm>
<https://vietstock.vn/2023/11/cpi-thang-112023-tang-025-va-lam-phat-co-ban-tang-016-so-voi-thang-truoc-761-1125467.htm>
<https://vietstock.vn/2023/11/chi-so-san-xuat-cong-nghiep-thang-112023-thang-3-so-voi-thang-truoc-768-1125477.htm>

Tin Kinh tế quốc tế

<https://bnews.vn/oecd-kinh-te-the-gio-i-co-the-se-ha-ca-nh-me-m-va-o-nam-2024/316559.html>
<https://vietstock.vn/2023/11/gdp-my-tang-truong-52-trong-quy-32023-775-1125687.htm>